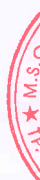


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800408245, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 19 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Điện thoại : 0633 520 290
- Fax : 0633 825 291

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông sản thực phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại, đầu tư tài chính;
- Trồng và sản xuất các loại cây nông sản.
- Kinh doanh thiết bị máy móc chuyên dùng để chế biến thực phẩm và sản phẩm của doanh nghiệp;
- Điều hành tua du lịch;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Đỗ Thành Trung	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Ông Nghiêm Văn Thắng	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Bà Doãn Thị Thu Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Hữu Thụy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phan Anh Tú	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2017
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Anh Xuân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Bà Đinh Thị Mộng Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2012 Miễn nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Thụy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2016
Bà Doãn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2012
Ông Phạm Văn Anh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2012
Bà Phan Thị Cúc Hương	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2012 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2017
Ông Phan Anh Tú	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Thụy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2016
Ông Đỗ Thành Trung	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2016

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Thụy
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017



Số: 071/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2017, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất đó tại ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Nguyễn Thị Lê Vy - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2195-2013-008-1

Nha Trang, ngày 27 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		182.729.101.319	189.079.427.440
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.878.251.046	25.674.046.033
1. Tiền	111		8.178.251.046	4.174.046.033
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.700.000.000	21.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.480.505.042	74.369.480.696
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	49.195.394.265	70.423.606.586
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	6.409.063.733	3.492.671.616
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	2.876.047.044	453.202.494
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		100.490.154.464	88.678.464.386
1. Hàng tồn kho	141	V.5	100.490.154.464	88.678.464.386
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		880.190.767	357.436.325
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	118.345.765	20.746.654
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		761.845.002	336.689.671
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.231.383.902	24.026.971.687
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		181.550.000	166.550.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	181.550.000	166.550.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		40.386.170.049	18.785.876.065
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	40.203.430.674	18.546.909.190
- Nguyên giá	222		90.364.158.304	64.068.294.741
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.160.727.630)	(45.521.385.551)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	182.739.375	238.966.875
- Nguyên giá	228		281.137.500	281.137.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(98.398.125)	(42.170.625)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.333.252.384	4.410.709.293
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	5.333.252.384	4.410.709.293
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.330.411.469	663.836.329
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	1.330.411.469	663.836.329
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		229.960.485.221	213.106.399.127

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		52.889.325.700	56.597.311.307
I. Nợ ngắn hạn	310		52.429.325.700	56.242.311.307
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10a,b	6.839.401.025	6.182.303.259
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	3.839.110.398	3.157.747.930
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	17.414.381.268	20.742.931.754
4. Phải trả người lao động	314	V.13	10.369.690.614	12.454.566.604
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	26.846.418	1.637.350.492
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a,b	446.212.158	481.729.759
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a,c	13.046.625.251	10.971.865.708
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	447.058.568	613.815.801
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		460.000.000	355.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b,c	460.000.000	355.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		177.071.159.521	156.509.087.820
I. Vốn chủ sở hữu	410		177.071.159.521	156.509.087.820
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	146.571.500.000	124.214.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		146.571.500.000	124.214.180.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	9.933.986.561	7.335.990.805
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	20.565.672.960	24.958.917.015
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		131.789	24.958.917.015
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		20.565.541.171	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		229.960.485.221	213.106.399.127

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Phan Thị Cúc Hương
Người lậpPhan Thị Cúc Hương
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Thụy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	446.562.320.968	428.296.770.054
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.486.968.222	7.594.374.908
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		443.075.352.746	420.702.395.146
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	396.741.414.479	349.526.338.796
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.333.938.267	71.176.056.350
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	956.253.697	1.469.791.849
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.209.823.210	2.278.632.073
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.232.275.328	751.999.500
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	6.149.161.285	20.754.733.807
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	13.274.730.973	19.071.734.336
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.656.476.496	30.540.747.983
12. Thu nhập khác	31	VI.8	250.598.692	692.481.026
13. Chi phí khác	32	VI.9	161.125.109	190.799.378
14. Lợi nhuận khác	40		89.473.583	501.681.648
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.745.950.079	31.042.429.631
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	5.183.878.378	6.169.485.360
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(85.972.744)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.562.071.701	24.958.917.015
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		20.562.071.701	24.958.917.015
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.403	1.703
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.403	1.703



Phan Thị Cúc Hương
Người lập



Phan Thị Cúc Hương
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 02 năm 2017

**CÔNG TY
CỔ PHẦN THỰC PHẨM
LÂM ĐỒNG**


Nguyễn Hữu Thụy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.745.950.079	31.042.429.631
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, V.8	5.741.186.710	5.588.149.393
- Các khoản dự phòng	03		-	(25.264.272)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	192.822.956	35.949.512
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.9	(267.776.109)	(1.469.791.849)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	1.232.275.328	751.999.500
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		32.644.458.964	35.923.471.915
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.128.398.752	(47.184.235.328)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.5	(11.811.690.078)	(4.632.895.204)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.908.093.794)	(110.786.467)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.6a,b	(450.693.413)	161.392.225
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(1.232.275.328)	(751.999.500)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(5.709.153.381)	(4.983.176.300)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	3.970.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(148.114.830)	(274.860.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.516.806.892	(21.853.088.659)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(29.657.339.255)	(5.501.659.076)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		54.545.455	123.417.456
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	11.685.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		302.352.334	1.469.791.849
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(29.300.441.466)	7.777.050.229



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16a,b	210.553.534.797	213.740.175.163
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16a	(208.565.725.104)	(220.277.758.015)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.987.809.693	(6.537.582.852)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.795.824.881)	(20.613.621.282)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	25.674.046.033	46.286.458.202
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		29.894	1.209.113
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	22.878.251.046	25.674.046.033

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Phan Thị Cúc Hương
Người lập

Phan Thị Cúc Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thụy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông sản thực phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại, đầu tư tài chính;
- Trồng và sản xuất các loại cây nông sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm mạnh so với năm trước là do doanh thu về bán điều tăng bởi các yếu tố về sản lượng và đơn giá bán, trong khi giá vốn bán điều lại tăng nhanh hơn doanh thu do giá cả nguyên liệu đầu vào tăng mạnh. Đồng thời doanh thu bán rượu năm nay giảm mạnh so với năm trước, chủ yếu do thay đổi cơ cấu giá bán (không bao gồm chi phí vận chuyển) và sản lượng tiêu thụ giảm.
- Năm trước Công ty vẫn còn các công ty con là Công ty TNHH W.E.I Việt Nam và Công ty TNHH MTV Ladofoods nên Tập đoàn có hệ thống bán lẻ. Đến ngày 01/7/2015 Công ty đã chuyển nhượng 02 công ty con nêu trên dẫn đến doanh thu bán hàng, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm so với năm trước.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng	Tổ dân phố số 2, thị trấn Ma Đa Guôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng	Chế biến điều xuất khẩu	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ladofoods	Số 36 Bạch Đằng 2, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Ladora Farm Ninh Thuận	Thôn Lương Cang 2, xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Trồng nho	100%	100%	100%	100%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 421 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 349 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Lạt (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Lạt (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí sửa chữa, chi phí công cụ dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí vận chuyển đi đời và các chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (12 tháng).

Chi phí khác

Bao gồm chi phí vận chuyển đi đời và chi phí khác được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	180.215.501	193.098.894
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.998.035.545	3.980.947.139
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	14.700.000.000	21.500.000.000
Cộng	<u>22.878.251.046</u>	<u>25.674.046.033</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	49.195.394.265	70.423.606.586
Công ty TNHH W.E.I Việt Nam	33.056.792.349	55.163.729.636
Công ty TNHH MTV Ladofoods	11.827.717.214	9.815.288.979
American Cashew Company LLC	4.100.523.000	-
Các khách hàng khác	210.361.702	5.444.587.971
Cộng	<u>49.195.394.265</u>	<u>70.423.606.586</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	6.409.063.733	3.492.671.616
Hebei CangZhou New Century Foreign Trade Co.LTD	2.474.813.142	-
Spiral Peacock Limited	610.948.800	-
Nguyễn Thị Anh Xuân	-	1.550.000.000
Các nhà cung cấp khác	3.323.301.791	1.942.671.616
Cộng	<u>6.409.063.733</u>	<u>3.492.671.616</u>

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.876.047.044	-	453.202.494	-
Phải thu Bà Nguyễn Thị Anh Xuân - tiền hợp tác kinh doanh	2.250.000.000	-	-	-
Tạm ứng	443.203.318	-	299.487.150	-
Phải thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	17.468.829	-	74.387.424	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	11.500.000	-	47.000.000	-
Lãi tiền gửi	-	-	31.963.889	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	153.874.897	-	364.031	-
Cộng	<u>2.876.047.044</u>	-	<u>453.202.494</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4b. Phải thu dài hạn khác

Số dư chủ yếu là ký quỹ dài hạn để thuê văn phòng và các khoản khác.

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	103.962.505	-
Nguyên liệu, vật liệu	27.474.431.858	-	30.494.497.865	-
Công cụ, dụng cụ	845.227.661	-	1.325.214.115	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.615.768.480	-	4.258.991.109	-
Thành phẩm	58.890.729.542	-	41.661.145.169	-
Hàng hóa	2.169.991.455	-	812.994.227	-
Hàng hóa gửi bán	5.494.005.468	-	10.021.659.396	-
Cộng	100.490.154.464	-	88.678.464.386	-

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	27.618.181	-
Công cụ dụng cụ	27.811.667	-
Chi phí bảo hiểm	3.969.696	20.746.654
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	58.946.221	-
Cộng	118.345.765	20.746.654

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	471.699.881	28.696.183
Tiền thuê đất	313.480.838	-
Nội thất văn phòng	238.412.271	522.872.949
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, văn phòng	150.672.655	69.870.828
Chi phí vận chuyển, di dời	118.125.000	-
Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị	13.020.824	42.396.369
Các chi phí trả trước dài hạn khác	25.000.000	-
Cộng	1.330.411.469	663.836.329

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	18.190.502.182	41.654.160.356	3.957.351.203	266.281.000	64.068.294.741
Mua trong năm	837.076.163	9.474.887.767	1.267.911.455	-	11.579.875.385
Đầu tư XDCB hoàn thành	15.850.726.989	-	-	-	15.850.726.989
Thanh lý, nhượng bán	(501.804.334)	(632.934.477)	-	-	(1.134.738.811)
Số cuối năm	34.376.501.000	50.496.113.646	5.225.262.658	266.281.000	90.364.158.304

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.617.593.078	17.775.864.675	3.304.519.385	34.620.000	28.732.597.138
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	15.871.393.129	25.971.281.265	3.554.044.274	124.666.883	45.521.385.551
Khấu hao trong năm	1.544.153.985	3.783.542.509	310.930.516	46.332.200	5.684.959.210
Thanh lý, nhượng bán	(458.254.083)	(587.363.048)	-	-	(1.045.617.131)
Số cuối năm	16.957.293.031	29.167.460.726	3.864.974.790	170.999.083	50.160.727.630
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.319.109.053	15.682.879.091	403.306.929	141.614.117	18.546.909.190
Số cuối năm	17.419.207.969	21.328.652.920	1.360.287.868	95.281.917	40.203.430.674
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 4.488.584.880 VND đã được thế chấp, cầm cố tại ngày 31/12/2016 để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Lạt.

8. Tài sản cố định vô hình Phần mềm máy tính

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	281.137.500	42.170.625	238.966.875
Khấu hao trong năm	-	56.227.500	-
Số cuối năm	281.137.500	98.398.125	182.739.375

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	34.639.960	-	-	34.639.960
Xây dựng cơ bản dở dang	4.376.069.333	16.773.270.080	(15.850.726.989)	5.298.612.424
<i>Dự án nâng cấp, cải tạo Nhà máy Phát Chi</i>	3.805.757.937	9.098.894.473	(12.904.652.410)	-
<i>Dự án trồng nho tại Ninh Thuận</i>	570.311.396	4.728.301.028	-	5.298.612.424
<i>Đường nội bộ</i>	-	2.071.217.909	(2.071.217.909)	-
<i>Nhà kho thành phẩm</i>	-	874.856.670	(874.856.670)	-
Cộng	4.410.709.293	16.773.270.080	(15.850.726.989)	5.333.252.384

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

10a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các nhà cung cấp khác	6.839.401.025	6.182.303.259
Công ty Cổ Phần Đông Á	1.010.116.120	-
Công ty Cổ phần Quảng Cáo Truyền Thông Thiên Hy Long Việt Nam	882.900.700	-
Công ty Cổ Phần Starprint Việt Nam	880.510.624	860.273.387
Công ty TNHH MTV Kế Hoạch Ưu Tiên	30.000	542.960.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Minh Đức Thập Chàm	-	266.533.000
Trương Văn Xin	-	209.092.000
Các nhà cung cấp khác	4.065.843.581	4.303.444.872
Cộng	6.839.401.025	6.182.303.259

10b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các khách hàng khác	3.839.110.398	3.157.747.930
Guangyu Dianbai Guangdong Co., Ltd	3.290.526.666	-
Doanh nghiệp tư nhân Hasa	513.480.838	-
Công ty TNHH MTV Ladofoods	-	2.083.967.005
Công ty Mậu dịch ChengXing	-	1.044.000.000
Các khách hàng khác	35.102.894	29.780.925
Cộng	3.839.110.398	3.157.747.930

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.666.010.436	6.009.535.958	(9.686.462.872)	3.989.083.522
Thuế tiêu thụ đặc biệt	9.950.450.022	22.624.472.124	(21.701.089.122)	10.873.833.024
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.585.455.650	(3.585.455.650)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.008.632.788	5.206.744.719	(5.709.153.381)	2.506.224.126
Thuế thu nhập cá nhân	117.838.508	251.924.175	(332.859.316)	36.903.367
Thuế nhà đất	-	2.198.664	(2.198.664)	-
Tiền thuê đất	-	1.315.050.216	(1.315.050.216)	-
Thuế môn bài	-	12.000.000	(12.000.000)	-
Thuế nhà thầu	-	8.337.229	-	8.337.229
Cộng	20.742.931.754	39.015.718.735	(42.344.269.221)	17.414.381.268

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu	0 %
- Hạt điều, rượu	10 %
- Dịch vụ tư vấn bán hàng	10 %

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Tập đoàn phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh rượu dưới 20 độ với thuế suất 30%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.179.357.598	6.079.102.665
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	27.387.121	90.382.695
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	5.206.744.719	6.169.485.360

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Đơn giá (VND/m²)</u>
Số 31, 32 Ngô Văn Sở, Phường 9	8.593	
+Diện tích có mái che	2.907	53.434
+Diện tích không có mái che	5.686	40.075
Lô 2, 4, 6 điểm Công nghiệp Phát Chi – Xuân Trường	19.259	1.404
Xã Trạm Hành	30.221	3.983
Xã Đạ Lây	12.077	
+Diện tích có mái che	2.021	662
+Diện tích đất sân bãi	10.056	496
Quốc lộ 20 Thị trấn Madaguôi - Đoạn từ cổng trạm biến thế đến km 84 - Đất sản xuất kinh doanh	18.096	20.474
Thửa số 9, 10 và 12, xã Đạ 'ri, huyện Đạ Huoai	33.286	39

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trợ cấp thôi việc	-	1.270.364.768
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	26.846.418	366.985.724
Cộng	26.846.418	1.637.350.492

15. Phải trả ngắn hạn khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	446.212.158	481.729.759
Kinh phí công đoàn	230.302.785	173.769.274
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.348.100	110.165.691
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	23.821.090	23.821.090
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	188.740.183	173.973.704
Cộng	446.212.158	481.729.759

15b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay ngắn hạn/dài hạn

16a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay các tổ chức và cá nhân khác	13.046.625.251	10.971.865.708
Vay ngắn hạn ngân hàng	12.751.625.251	10.689.365.708
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Lạt ⁽ⁱ⁾	12.751.625.251	10.689.365.708
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	295.000.000	282.500.000
Cộng	13.046.625.251	10.971.865.708

Tập đoàn có khả năng trả được khoản vay ngắn hạn.

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Lạt theo hợp đồng cấp tín dụng số 0022/TDN/16 LD ngày 04 tháng 5 năm 2016 và hợp đồng cho vay hạn mức, mục đích vay để bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và phát hành thư tín dụng, hạn mức vay là 100 tỷ đồng đối với Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng, thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng đến ngày 31/5/2017. Lãi suất tiền vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được đảm bảo thanh toán bằng thế chấp toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng bao gồm văn phòng, nhà xưởng, vật kiến trúc, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản dùng để sản xuất kinh doanh (được xác định theo hợp đồng thế chấp số 0022/TDN/16TC ngày 04 tháng 5 năm 2016, xem thuyết minh V.7).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đền hạn trả	Cộng
Số đầu năm	10.689.365.708	282.500.000	10.971.865.708
Số tiền vay phát sinh trong năm	210.153.534.797	-	210.153.534.797
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	295.000.000	295.000.000
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	191.949.850	-	191.949.850
Số tiền vay đã trả trong năm	(208.283.225.104)	(282.500.000)	(208.565.725.104)
Số cuối năm	12.751.625.251	295.000.000	13.046.625.251

16b. Vay dài hạn

Số dư vay dài hạn Trung Tâm Khuyến Công tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng hỗ trợ và thu hồi kinh phí khuyến công, khoản vay không có tài sản đảm bảo và không có lãi suất.

Tập đoàn có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	295.000.000	282.500.000
Trên 1 năm đến 5 năm	460.000.000	355.000.000
Cộng	755.000.000	637.500.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Trung Tâm Khuyến Công như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	355.000.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	400.000.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(295.000.000)
Số cuối năm	460.000.000

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	507.400.000	-	(49.814.830)	(22.612.403)	434.972.767
Quỹ phúc lợi	106.415.801	3.970.000	(98.300.000)	-	12.085.801
Cộng	613.815.801	3.970.000	(148.114.830)	(22.612.403)	447.058.568

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. **Vốn chủ sở hữu**

18a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	108.013.390.000	2.305.833	20.319.251.457	128.334.947.290
Điều chỉnh do thay đổi chính sách kế toán mới	-	3.215.223.515	-	3.215.223.515
Số dư đầu năm trước được trình bày lại	108.013.390.000	3.217.529.348	20.319.251.457	131.550.170.805
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	16.200.790.000	-	(16.200.790.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	24.958.917.015	24.958.917.015
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	4.118.461.457	(4.118.461.457)	-
Số dư cuối năm trước	124.214.180.000	7.335.990.805	24.958.917.015	156.509.087.820
Số dư đầu năm nay	124.214.180.000	7.335.990.805	24.958.917.015	156.509.087.820
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	20.562.071.701	20.562.071.701
Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu	22.357.320.000	-	(22.357.320.000)	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển năm 2015	-	2.597.995.756	(2.597.995.756)	-
Số dư cuối năm nay	146.571.500.000	9.933.986.561	20.565.672.960	177.071.159.521

18b. **Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Elmich	74.752.820.000	63.349.850.000
Công ty Cổ phần GTNFoods	51.300.960.000	43.475.390.000
Các cổ đông khác	20.517.720.000	17.388.940.000
Cộng	146.571.500.000	124.214.180.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	146.571.500.000
Vốn điều lệ đã góp	146.571.500.000
Vốn điều lệ còn phải góp	-

18c. **Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.657.150	12.421.418
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.657.150	12.421.418
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.657.150	12.421.418

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18d. Phân phối lợi nhuận

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 09 tháng 4 năm 2016 đã thông qua phương án về phát hành cổ phiếu thưởng để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ phát hành là 18% vốn điều lệ, tương đương 22.358.550.000 VND, tương ứng 2.235.855 cổ phiếu, đồng thời trích quỹ đầu tư phát triển 2.597.995.756 VND.

Ngày 06 tháng 9 năm 2016 Công ty đã hoàn thành thủ tục phát hành cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận sau thuế với số lượng cổ phiếu tăng thêm là 2.235.732 cổ phiếu, tương đương 22.357.320.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	151.345,11	1.603,11
Euro (EUR)	89,36	89,33

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	50.243.149.845	19.009.822.622
Doanh thu bán thành phẩm	355.387.622.450	409.286.947.432
Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.931.548.673	-
Cộng	<u>446.562.320.968</u>	<u>428.296.770.054</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	6.528.000	4.791.532.601
Hàng bán bị trả lại	3.480.440.222	2.802.842.307
Cộng	<u>3.486.968.222</u>	<u>7.594.374.908</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	47.430.828.260	17.943.077.420
Giá vốn của thành phẩm đã bán	322.792.423.031	331.583.261.376
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	26.518.163.188	-
Cộng	<u>396.741.414.479</u>	<u>349.526.338.796</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	345.056.110	690.007.455
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	779.784.394
Lãi bán ngoại tệ	42.906.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	568.291.087	-
Cộng	<u>956.253.697</u>	<u>1.469.791.849</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.232.275.328	751.999.500
Lỗ bán ngoại tệ	4.240.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	778.529.136	1.526.493.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	192.822.956	-
Chi phí tài chính khác	1.955.790	139.507
Cộng	<u>2.209.823.210</u>	<u>2.278.632.073</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	977.906.697	7.624.977.945
Chi phí vật liệu, bao bì	1.904.347.121	1.441.697.970
Chi phí khấu hao tài sản cố định	385.632.996	283.412.391
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	1.462.095.800	3.330.231.145
Chi phí mua ngoài	880.032.290	5.417.223.922
Các chi phí khác	539.146.381	2.657.190.434
Cộng	<u>6.149.161.285</u>	<u>20.754.733.807</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.955.211.406	9.886.198.080
Chi phí vật liệu quản lý	-	1.423.104.232
Chi phí khấu hao tài sản cố định	190.493.661	176.710.501
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.793.127.838	3.159.396.274
Các chi phí khác	2.335.898.068	4.426.325.249
Cộng	<u>13.274.730.973</u>	<u>19.071.734.336</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	123.417.456
Tiền bồi thường	200.291.250	509.886.715
Các khoản thu nhập khác	50.307.442	59.176.855
Cộng	<u>250.598.692</u>	<u>692.481.026</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	34.576.225	-
Các khoản phạt vi phạm, truy thu thuế	126.548.884	190.462.843
Chi phí khác	-	336.535
Cộng	<u>161.125.109</u>	<u>190.799.378</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.562.071.701	24.958.917.015
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	20.562.071.701	24.958.917.015
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	14.657.150	14.657.150
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.403</u>	<u>1.703</u>

10b. Thông tin khác

Ngày 26 tháng 9 năm 2016 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Ngoài ra, Công ty cũng điều chỉnh lại lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm 2015 do ảnh hưởng sự kiện ngày 07 tháng 8 năm 2015 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.150 VND xuống còn 1.703 VND, lãi suy giảm trên cổ phiếu giảm từ 2.150 VND xuống còn 1.703 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	306.971.468.113	274.108.766.592
Chi phí nhân công	42.655.014.038	40.037.204.679
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.741.186.710	5.588.149.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.624.378.976	43.623.868.062
Chi phí khác	9.369.323.370	29.050.942.372
Cộng	<u>392.361.371.207</u>	<u>392.408.931.098</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương và phụ cấp với tổng thu nhập trong năm là 2.690.689.860 VND (năm trước là 1.204.337.500 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Elmich	Cổ đông sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần GTNFoods	Cổ đông sở hữu 35% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác. Các giao dịch khác phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Elmich		
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	11.402.970.000	-
Công ty Cổ phần GTNFoods		
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	7.825.570.000	-

dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Tập đoàn không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. **Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Sản xuất, mua bán rượu
- Lĩnh vực 2: Sản xuất, kinh doanh điều
- Lĩnh vực 3: Các lĩnh vực khác

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực sản xuất, mua bán rượu	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điều	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	76.506.907.744	325.636.896.329	40.931.548.673	443.075.352.746
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.506.907.744	325.636.896.329	40.931.548.673	443.075.352.746
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.603.295.799	8.283.342.973	10.023.407.237	26.910.046.009
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				26.910.046.009
Doanh thu hoạt động tài chính				956.253.697
Chi phí tài chính				(2.209.823.210)
Thu nhập khác				250.598.692
Chi phí khác				(161.125.109)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(5.183.878.378)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				20.562.071.701
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	17.170.456.873	2.749.528.622	9.869.668.388	29.789.653.883
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.841.170.119	1.226.264.168	329.309.632	6.396.743.919
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	122.935.509.064	271.019.176.308	26.747.709.774	420.702.395.146
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.935.509.064	271.019.176.308	26.747.709.774	420.702.395.146
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	13.891.553.866	12.571.152.455	4.886.881.886	31.349.588.207
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				31.349.588.207
Doanh thu hoạt động tài chính				1.469.791.849
Chi phí tài chính				(2.278.632.073)
Thu nhập khác				692.481.026
Chi phí khác				(190.799.378)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(6.169.485.360)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				85.972.744
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				24.958.917.015

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất, mua bán rượu	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điều	Các lĩnh vực khác	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>5.565.253.621</u>	<u>820.500.000</u>	-	<u>6.385.753.621</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>4.334.312.742</u>	<u>1.277.188.621</u>	-	<u>5.611.501.363</u>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực sản xuất, mua bán rượu	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điều	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	194.361.601.314	63.629.741.626	13.517.176.535	(54.630.255.880)	216.878.263.595
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					13.082.221.626
Tổng tài sản					<u>229.960.485.221</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	26.575.925.345	43.052.262.319	6.864.494.489	(31.695.446.290)	44.797.235.863
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					8.092.089.837
Tổng nợ phải trả					<u>52.889.325.700</u>
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	177.439.635.424	56.632.733.195	11.080.405.313	(34.051.308.095)	211.101.465.837
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					2.004.933.290
Tổng tài sản					<u>213.106.399.127</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	32.374.603.295	31.727.088.353	8.645.595.723	(16.232.777.565)	56.514.509.806
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					82.801.501
Tổng nợ phải trả					<u>56.597.311.307</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tập đoàn có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty TNHH W.E.I Việt Nam và Công ty TNHH MTV Ladofoods với số dư nợ lần lượt tại ngày kết thúc năm tài chính chiếm 57% và 20% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm lần lượt chiếm 74% và 13%). Các khách hàng khác có số dư dưới 5% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Tập đoàn đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	6.839.401.025	-	6.839.401.025
Vay và nợ	13.046.625.251	460.000.000	13.506.625.251
Các khoản phải trả khác	239.407.691	-	239.407.691
Cộng	20.125.433.967	460.000.000	20.585.433.967
Số đầu năm			
Phải trả người bán	6.182.303.259	-	6.182.303.259
Vay và nợ	10.971.865.708	355.000.000	11.326.865.708
Các khoản phải trả khác	2.119.080.251	-	2.119.080.251
Cộng	19.273.249.218	355.000.000	19.628.249.218

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.345,11	89,36	1.603,11	89,33
Phải thu khách hàng	180.600,00	-	228.760,00	-
Vay và nợ	(559.650,00)	-	(474.239,83)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(227.704,89)	89,36	(243.876,72)	89,33

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền và kỳ hạn gửi thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận trước và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.878.251.046	-	25.674.046.033	-
Phải thu khách hàng	49.195.394.265	-	70.423.606.586	-
Các khoản phải thu khác	2.596.924.897	-	453.202.494	-
Cộng	74.670.570.208	-	96.550.855.113	-

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	6.839.401.025	6.182.303.259
Vay và nợ	13.506.625.251	11.326.865.708
Các khoản phải trả khác	239.407.691	2.119.080.251
Cộng	20.585.433.967	19.628.249.218

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phan Thị Cúc Hương
Người lập biểu

Phan Thị Cúc Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thụy
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 02 năm 2017